

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Số: 368/NĐCP-KHĐT-VT

V/v: Thư mời khảo sát và báo giá vật tư

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ninh, ngày 29 tháng 01 năm 2026

Kính gửi: Các nhà cung cấp có quan tâm

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP đang có nhu cầu mua sắm vật tư phục vụ sản xuất.

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP kính mời Quý Công ty tham gia chào giá với nội dung như sau:

I. Yêu cầu về hàng hóa

1. Thông tin về vật tư cần mua:

- Tên đơn hàng: Vòng bi, phốt phục vụ sửa chữa thường xuyên
- Số hiệu đơn hàng: 23/DH-NĐCP
- Chi tiết Đơn hàng (Chi tiết như bảng kê đính kèm):

Lưu ý: Trong quá trình chuẩn bị báo giá, nhà cung cấp phải khảo sát kỹ thông số kỹ thuật, tình trạng thiết bị của đơn hàng nhằm đảm bảo tính tương thích về môi trường, điều kiện vận hành, chất lượng hàng hóa phù hợp nhu cầu, đảm bảo hiệu quả sử dụng tại nhà máy

2. Nội dung Hồ sơ chào giá:

a. Yêu cầu về thương mại:

- Đơn giá, tổng giá trị phải được chào bằng VNĐ và được hiểu là giá giao tại kho bên mua và đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo quy định của Nhà nước.
- Địa điểm giao hàng: kho vật tư của Công ty tại Tổ 4, khu 4A, P. Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá tối thiểu là 180 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp báo giá được ghi trong bản yêu cầu.
- Thời gian giao hàng: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng.

Bên B thực hiện bàn giao hàng hóa vào giờ hành chính các ngày thứ 2, thứ 5 trong tuần không bao gồm ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

Xử lý tình huống:

- Trong trường hợp Bên B có sẵn hàng hóa và Bên A có nhu cầu sử dụng, Bên B sẽ thực hiện bàn giao hàng hóa theo nhu cầu bằng văn bản của bên A thông qua gửi trực tiếp/Fax/Email.

- Trong trường hợp Bên B giao hàng vào ngày cuối cùng của thời gian thực hiện hợp đồng, không phải là thứ 2 hoặc thứ 5 thì Bên B thực hiện bàn giao hàng hóa vào ngày thứ 2/thứ 5 kế tiếp (ngày gần nhất với ngày hết hạn thực hiện hợp đồng) hoặc vào các ngày kế tiếp theo nhu cầu của Bên A và không tính là vi phạm thời gian thực hiện hợp đồng.

- Thời gian bảo hành: 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu hàng hóa (các loại vòng bi).

- Thời gian thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản qua Ngân hàng trong vòng 60 ngày sau khi bên B bàn giao đầy đủ hàng hóa, đạt yêu cầu kỹ thuật và có đủ chứng từ thanh toán cho bên A.

b. Yêu cầu về hàng hóa

- Hàng hóa sản xuất năm 2024 trở lại đây, phải mới 100%, chưa qua sử dụng, đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật. Hàng hóa, vật tư cung cấp phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, có giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng sản phẩm khi giao hàng:

+ Với các mục vòng bi: Cấp CO, CQ hoặc thư bảo lãnh của nhà phân phối chính hãng.

+ Các mục hàng còn lại: Cấp Cam kết nguồn gốc xuất xứ và chất lượng hàng hóa.

Ghi chú: CO: Giấy Chứng nhận xuất xứ do đơn vị có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp, trên CO, thể hiện đơn vị nhập khẩu là Doanh nghiệp/ Hộ kinh doanh...hợp pháp tại Việt Nam; CQ: Giấy chứng nhận chất lượng hoặc các văn bản có giá trị tương đương của Nhà sản xuất. Yêu cầu cấp bản công chứng. Nếu số lượng và mục hàng trên CO, CQ, Thư bảo lãnh về xuất xứ và chất lượng trùng với số lượng của Hợp đồng thì phải cung cấp bản gốc. Trong trường hợp CO, CQ, Thư bảo lãnh về xuất xứ và chất lượng được viết bằng ngôn ngữ khác (không phải là tiếng Việt), Nhà cung cấp phải cấp kèm theo Bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật có thẩm quyền.

- Hàng hóa được sản xuất từ năm 2024 trở lại đây.

- Nhà cung cấp có thể chào giá cho từng phần hoặc toàn bộ hàng hóa theo thư mời.

- Nhà cung cấp có thể chào giá theo mã yêu cầu hoặc hàng tương đương. Trường hợp nhà thầu đề xuất hàng tương đương thì Nhà thầu phải chứng minh sự tương đương hoặc tốt hơn giữa hàng hóa nhà thầu chào với hàng hóa thuộc phạm vi mời chào giá và cung cấp một trong các tài liệu sau (được trình bày bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh):

+ Catalogue/tài liệu kỹ thuật hoặc các tài liệu tương đương khác (có đóng dấu xác nhận của nhà sản xuất) của hàng hóa do nhà thầu đề xuất, Catalogue/tài liệu kỹ thuật phải có đầy đủ thông tin về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa;

+ Bảng so sánh thông số kỹ thuật.

+ Văn bản của nhà sản xuất (Có đóng dấu xác nhận của nhà sản xuất) khẳng định và cam kết hàng hóa do nhà thầu đề xuất tương đương về đặc tính, thông số kỹ thuật và đồng bộ tương thích về đặc tính, thông số kỹ thuật, công nghệ và kích thước lắp đặt/kết nối với các thiết bị/hệ thống hiện hữu của Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV,);

+ Cung cấp 01 hợp đồng cung cấp vật tư thiết bị tương đương (được công chứng/chứng thực) và bản xác nhận của đơn vị sử dụng về tính đáp ứng hệ thống khi thay thế, lắp đặt vào hệ thống có cùng kiểu, loại với hệ thống đang sử dụng của bên mời thầu. Trường hợp hợp đồng không phải tiếng Việt hoặc tiếng Anh phải dịch thuật sang tiếng Việt và được công chứng.

+ Nhà thầu cam kết chịu toàn bộ chi phí bồi thường các thiệt hại gây ra do sự không tương thích hoặc do lỗi vật tư, thiết bị nhà thầu cung cấp gây ra cho các thiết bị (Trường hợp cần làm rõ, chủ đầu tư sẽ yêu cầu nhà thầu cung cấp bổ sung các tài liệu trên. Nếu Nhà thầu không cung cấp bổ sung được theo yêu cầu của bên mời chào giá hoặc cung cấp các tài liệu không được viết bằng tiếng Việt/tiếng Anh mà không gửi kèm dịch thuật sang tiếng Việt/tiếng Anh thì hàng hóa tương đương do nhà thầu đề xuất được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật).

II. Hình thức tham gia và thời gian chào giá

1. Hình thức chào giá

- Bản chào giá phải do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký thay phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của nhà cung cấp kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao nhiệm vụ hoặc văn bản tương đương.

- BCG (theo biểu mẫu đính kèm)

- Hình thức báo giá: ghi rõ nội dung: **Bản chào giá theo thư mời số 368/NĐCP-KHĐTVT** gửi thư chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp về địa chỉ như sau:

Địa chỉ nhận bản chào giá:

- Phòng Kế hoạch-Đầu tư-Vật tư - Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV.

- Địa chỉ: Tổ 4, Khu 4A, P. Cửa Ông, Tỉnh Quảng Ninh.

- Điện thoại: 02033 734 900

- Cán bộ phụ trách: Phạm Thị Tuyết; Điện thoại: 0936 825 989

- Thời gian nhận bản chào giá chậm nhất vào 10 giờ 00' ngày 05/02/2026.

- Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP mời các nhà cung cấp đã nộp BCG chứng kiến và xác nhận việc mở BCG, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở BCG vẫn được tiến hành vào thời gian đã được quy định trong Thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của các nhà cung cấp.

- Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả -TKV rất mong được sự hợp tác của quý đơn vị.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (B/c)
- Trang Web TKV (đăng tải);
- Trang Web ĐLTKV (đăng tải);
- Tổ tư vấn LCNCC;
- Phòng KH-ĐT-VT;
- Lưu Văn thư, PTT(1).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Vũ Hoàng Lân

Bảng kê chi tiết đơn hàng
(Đính kèm thư mời chào giá số 368/NĐCP-KHĐTVT ngày 29 tháng 01 năm 2026)

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1.	Phốt	10x25x7 chịu dầu chịu nhiệt: -20 độ C đến 200 độ C		Cái	1	
2.	Phốt	17x30x7.5		Cái	6	
3.	Phốt	20x50x10		Cái	5	
4.	Phốt	30x47x10		Cái	1	
5.	Phốt	30x47x7		Cái	3	
6.	Phốt	30x47x8		Cái	2	
7.	Phốt	35x58x10 HMSA10 RG		Cái	1	
8.	Phốt	40x55x6.5		Cái	4	
9.	Phốt	45x60x6.5		Cái	2	
10.	Phốt	45x70x10 HMSA10 RG		Cái	1	
11.	Phốt	47x76x6		Cái	12	
12.	Phốt	55x70x10		Cái	8	
13.	Phốt	55x80x10 HMSA10 RG		Cái	2	
14.	Phốt	72x33x10		Cái	2	
15.	Phốt	80x105x10 phốt chặn dầu; nhiệt độ 200 độ C; HMSA10 V		Cái	1	
16.	Phốt	CR-18652		Cái	12	
17.	Phốt	TC 80x115x10 FKM		Cái	4	
18.	Phốt	TC 80x105x13		Cái	4	
19.	Phốt đá	ID25		Bộ	1	
20.	Phốt đá	ID30		Bộ	2	
21.	Phốt đá	ID35		Bộ	4	
22.	Phốt đá	ID60		Bộ	1	
23.	Vòng bi	5208		Vòng	6	
24.	Vòng bi	30311		Vòng	4	

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
25.	Vòng bi	3208 ATN9		Vòng	2	
26.	Vòng bi	32209 HR8		Vòng	4	
27.	Vòng bi	6006 RS		Vòng	6	
28.	Vòng bi	6203 RZ		Vòng	8	
29.	Vòng bi	6204 RZ		Vòng	10	
30.	Vòng bi	6207 RS (có rãnh phanh)		Vòng	3	
31.	Vòng bi	6208 2RS C3		Vòng	4	
32.	Vòng bi	6307 2Z/C3		Vòng	1	
33.	Vòng bi	7310 BEP		Vòng	2	
34.	Vòng bi	NJ 208 ECP		Vòng	4	
35.	Vòng bi	NJ 311 ECP		Vòng	2	
36.	Vòng bi	NSK 2314 IAPAN L		Vòng	1	
37.	Vòng bi	NSK HPS 6314 AB16		Vòng	3	
38.	Vòng bi	NU 2310		Vòng	1	

